

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp chia tài sản
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Bích Hà.

Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu O, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Chu C, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu O trình bày:

Chị Triệu O và anh Chu C đăng ký kết hôn ngày 25/8/2020, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2020, thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị O đi làm công ty thì thoáng được nghỉ mới về, anh C nghỉ ngơi vợ ngoại tình

đến phòng trọ đánh nhiều lần. Chị O đã giải thích không có việc ngoại tình, nhưng anh C không tin và lâu lâu lại vô cớ đánh chị O một trận, vì vậy cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Từ tháng 8/2021, đến nay vợ chồng sống ly thân, từ khi ly thân không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, xác định tình cảm không còn chị Triệu O yêu cầu được ly hôn với anh Chu C.

Về con chung không có.

Về việc anh C trình bày đưa chị O 10.000.000 đồng mua xe máy Wave biển kiểm soát 12H1-424.24, là không đúng. Vì trước đó, anh C đập hỏng chiếc xe đạp chị O đi làm hàng ngày nên bà Hà P (mẹ đẻ chị O), cho chị O 20.000.000 đồng để mua chiếc xe máy trên (đăng ký ngày 23/8/2021, tên chủ xe Triệu O); về 02 chỉ vàng từ khi cưới chị O chưa được cầm bao giờ nên anh C trình bày không đúng. Về tiền thách cưới là do người lớn nói chuyện, chị O không biết. Do đó về tài sản chung hai vợ chồng không có gì, chị O không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh C yêu cầu chia tài sản chung là giá trị xe máy Wave 20.000.000 đồng, 02 chỉ vàng giá trị 11.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền sinh lễ 30.000.000 đồng chị O không chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Chu C trình bày:

Về thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng chị Triệu O trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến đầu năm 2021 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do chị O đi làm công ty không quan tâm đến chồng và gia đình, không chịu về nhà kể cả các ngày Tết. Anh C xuống nơi làm việc tìm thì chị O cố tình tránh mặt không gặp. Tại phiên tòa anh C khai vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay (theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai ly thân từ tháng 4/2021). Trong thời gian ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó. Nay chị O yêu cầu ly hôn anh C không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với vợ.

Về con chung không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave (không biết biển kiểm soát), trị giá 20.000.000 đồng, đứng tên chị O, khi mua xe anh C được góp 10.000.000 đồng; 02 chỉ vàng từ khi cưới, hiện nay trị giá 11.000.000 đồng, chị O đang cầm giữ, trường hợp phải ly hôn anh C yêu cầu chị O trả một nửa số tài sản chung ở trên bằng giá trị tiền. Ngoài ra khi cưới anh C phải bỏ ra 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) làm tiền sinh lễ, anh C yêu cầu chị O phải trả lại số tiền sinh lễ trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Triệu O về việc ly hôn với anh

Chu C. Về con chung: Không có, không xem xét. Về tài sản chung, không xem xét giải quyết. Về án phí căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu O và anh Chu C, đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, nên quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Hai bên thừa nhận từ cuối năm 2020, đầu năm 2021, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; từ tháng 8/2021 vợ chồng sống ly thân và từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm gì về nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Triệu O và anh Chu C đều thừa nhận không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Tại phiên tòa bị đơn yêu cầu chia tài sản chung: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày có tài sản chung và yêu cầu chia đôi, ngoài ra còn yêu cầu nguyên đơn trả lại tiền sinh lễ 30.000.000 đồng, Tòa án đã thông báo làm đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung nhưng anh C không làm. Tại phiên tòa anh C nêu lý do không làm đơn là vì *“không có chứng cứ chứng minh về tài sản chung”* nhưng anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu trên. Xét thấy, việc chia tài sản chung và các vấn đề liên quan vẫn thuộc phạm vi trong một vụ án ly hôn, do đó yêu cầu trên là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xác định lại quan hệ của vụ án là: *“Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”*.

[5] Về yêu cầu chia tài sản chung xe máy trị giá 20.000.000 đồng và 02 chỉ vàng trị giá 11.000.000 đồng: Xét thấy, theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe nhãn hiệu Honda Wave, tên chủ xe Triệu O, biển số 12H1-424.24, đăng ký ngày 23/8/2021. Như vậy, lời khai của chị O phù hợp với lời khai của bà Hà P (mẹ đẻ chị O), về việc bà P cho chị O 20.000.000 đồng để mua xe Honda Wave trên, thời điểm đăng ký xe thì hai vợ chồng đã sống ly thân, do đó anh C khai góp 10.000.000 đồng để mua xe máy là không phù hợp (*anh C khai từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó*). Đối với 02 chỉ vàng nguyên đơn khẳng định từ khi cưới cho đến nay chưa được cầm giữ chỉ vàng nào, tại phiên tòa cho các bên đối chất cũng không làm rõ được khi cưới vợ chồng có tài sản chung là 02 chỉ vàng. Tại phiên tòa anh C thừa nhận không cung cấp được chứng cứ chứng minh các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, yêu cầu chia tài sản chung của anh Chu C, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về yêu cầu trả tiền sính lễ 30.000.000 đồng: Xét thấy, việc thỏa thuận tiền sính lễ là trên cơ sở sự tự nguyện của hai bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự. Theo danh mục các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng kèm theo Nghị định số: 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014, của Chính Phủ, thì “*Đòi lại của cải khi vợ, chồng ly hôn*” là các tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cấm áp dụng. Do vậy, yêu cầu đòi lại tiền sính lễ của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, ý kiến nào phù hợp với nhận định nêu trên thì Hội đồng xét xử chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp thì Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn để nộp ngân sách Nhà nước. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã giải thích về yêu cầu trả tiền sính lễ nếu không được chấp nhận sẽ phải chịu tiền án phí nhưng bị đơn vẫn yêu cầu, do đó bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu trả tiền sính lễ 30.000.000 đồng không được chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu O được ly hôn với anh Chu C.
2. Về con chung: Không có.
3. Về chia tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Chu C.
4. Về tiền sính lễ: Không chấp nhận yêu cầu của anh Chu C buộc chị Triệu O trả lại số tiền sính lễ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

5. Về án phí:

5.1. Chị Triệu O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Triệu O đã nộp 300.000 đồng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004546 ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5.2. Anh Chu C phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn